CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Thủy điện Nậm Mu

Ngày 30/06/2025	26,600 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	-9.5%	-	-

DT thuần
Q2/25
32.7
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 13.6| 71.0%
YoY: ▼13.8| -29.8%

LN thuần
Q2/25
15.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 8.97| 135%
YoY: ▼7.30| -32.0%

LN sau thuế
Q2/25
12.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 7.21| 136%
YoY: ▼5.60| -30.9%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
48.8%
YoY: +/-▲ 14.2%

ROE (TTM)
Q2/25
11.2%
YoY: +/-▼ 0.6%

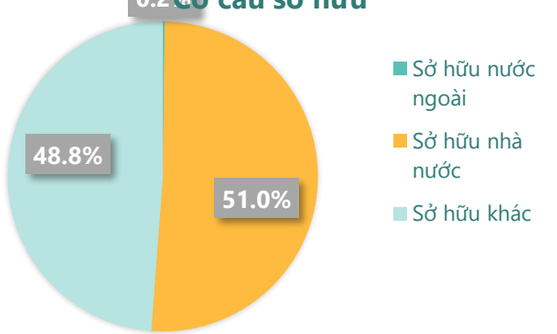
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	26,600 - 35,588
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	559
Số lượng CPLH (CP)	20,999,900
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,045
Sở hữu nước ngoài	0.2%
Beta	(0.06)
EPS	1,594
P/E	16.7

DT thuần
6T 2025
51.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼35.2| -40.5%

LN thuần
6T 2025
22.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼17.4| -43.9%

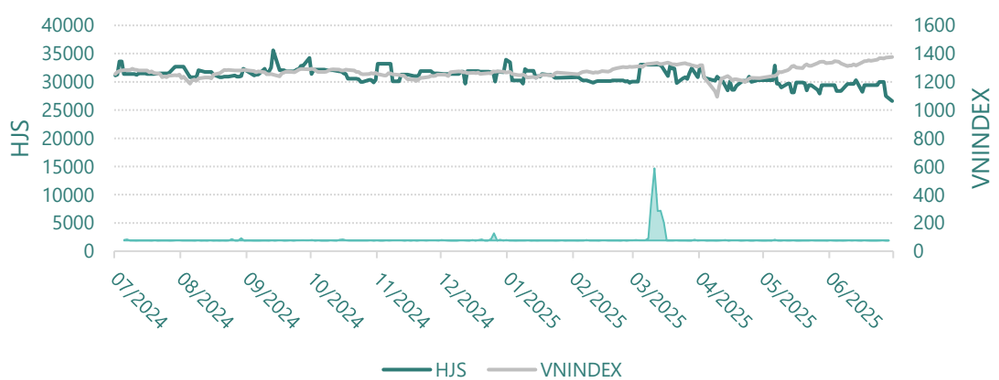
LN sau thuế
6T 2025
17.8
tỷ VNĐ
YoY: ▼13.7| -43.4%

Cơ cấu sở hữu

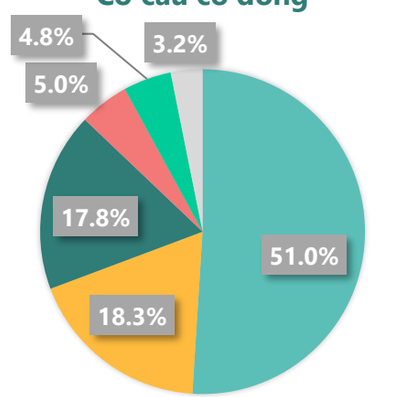


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

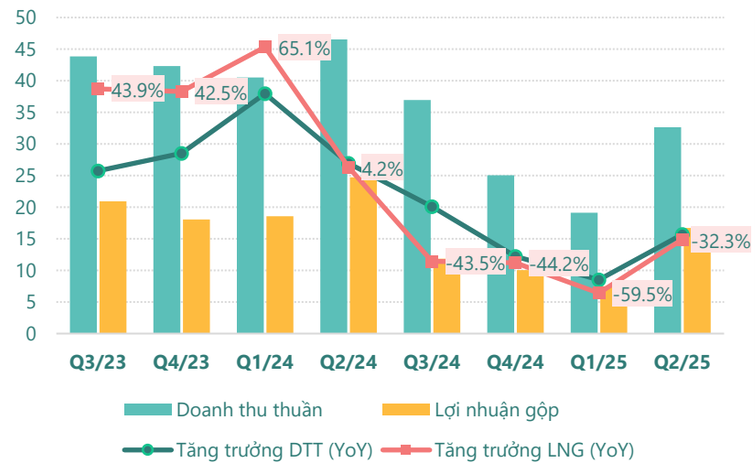


- CTCP Sông Đà 9
- CTCP Đầu tư ICAPITAL
- CTCP Dây điện và Phích cắm Trần Phú
- Trịnh Thị Thúy
- CTCP Chứng khoán VIX
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

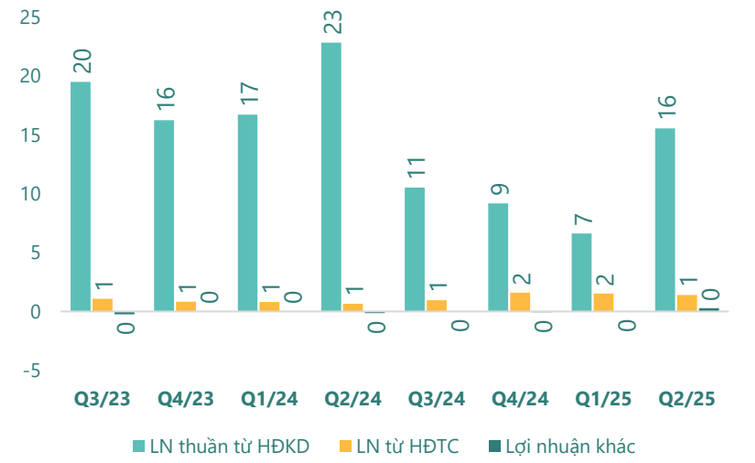
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



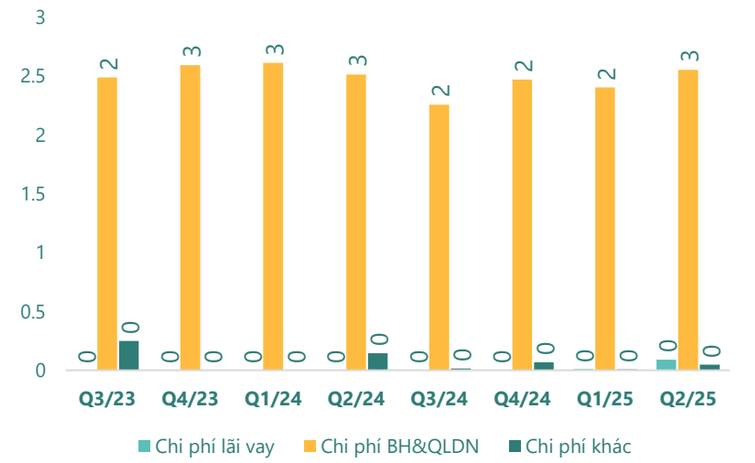
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



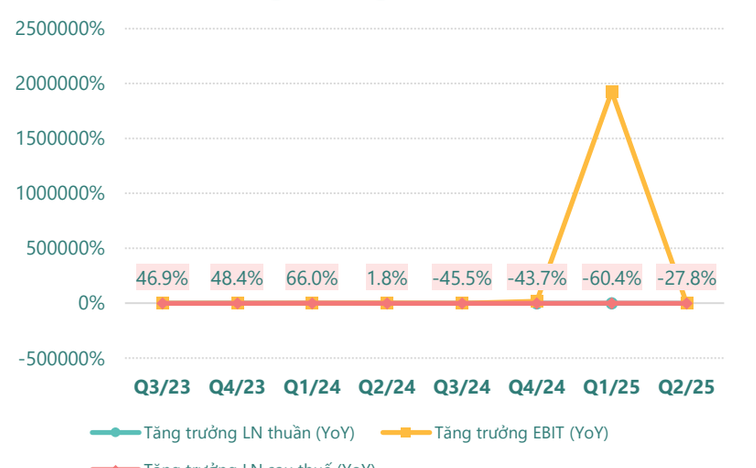
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



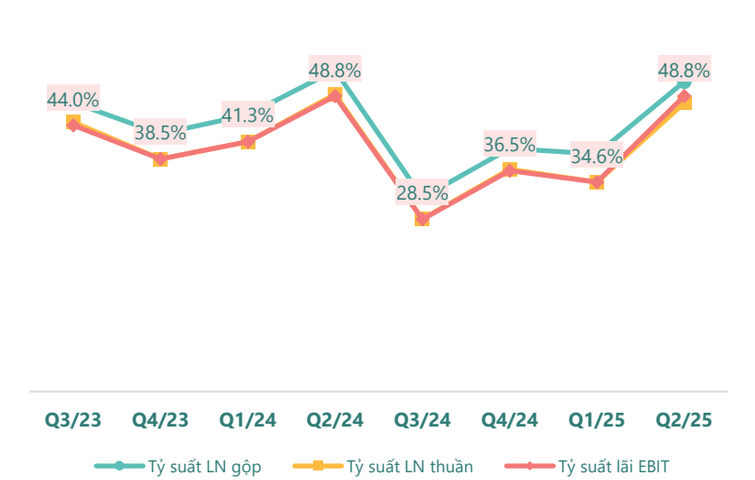
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



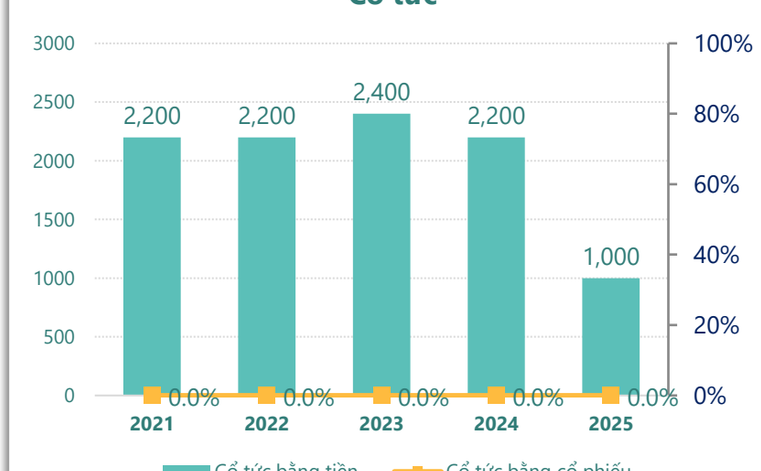
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

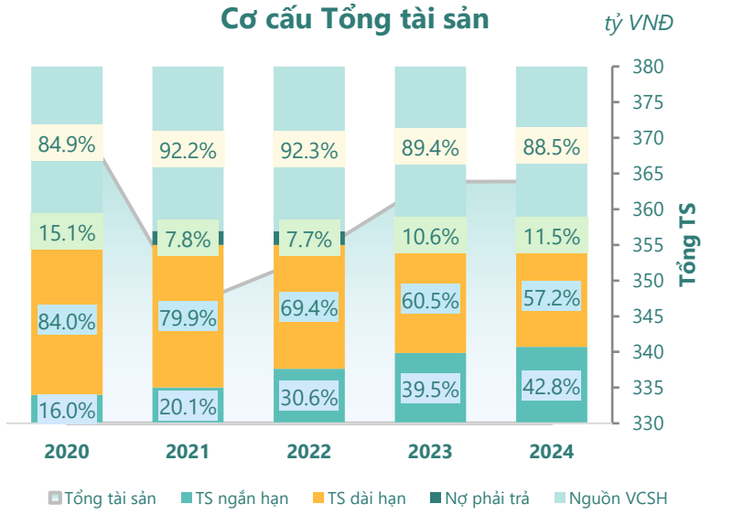
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

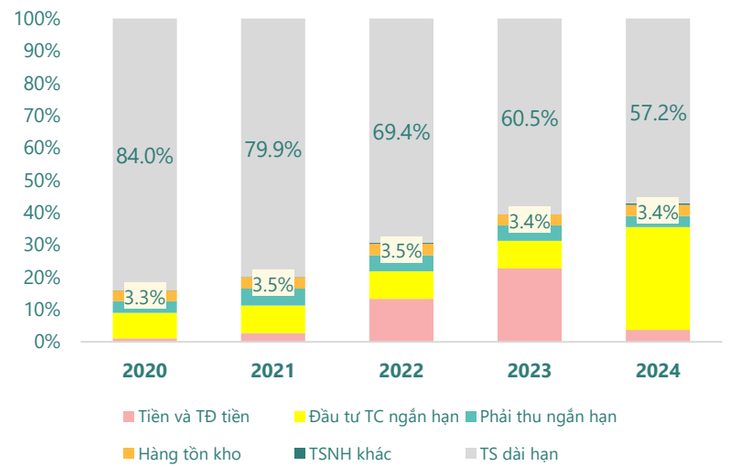
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



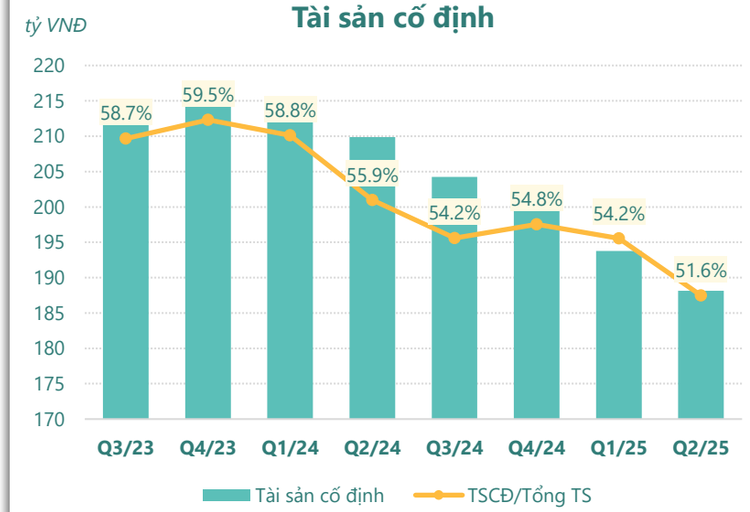
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



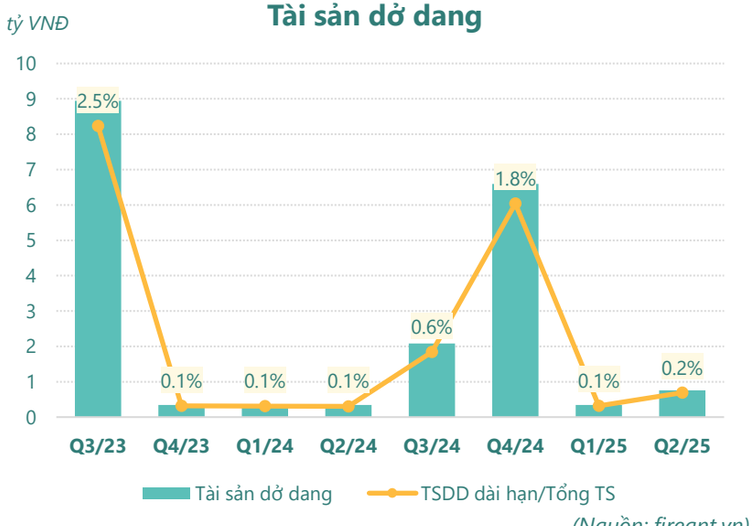
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



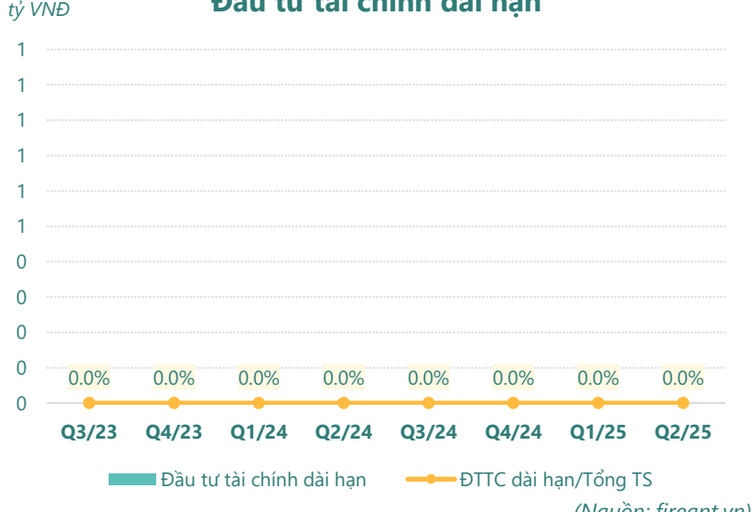
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



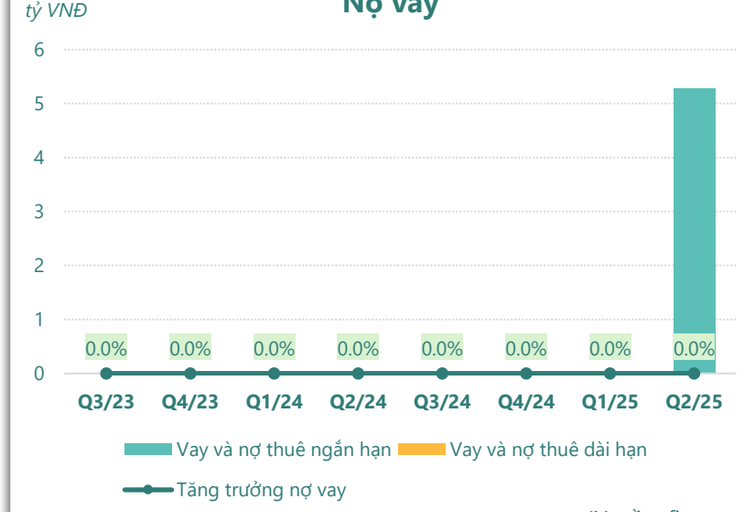
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

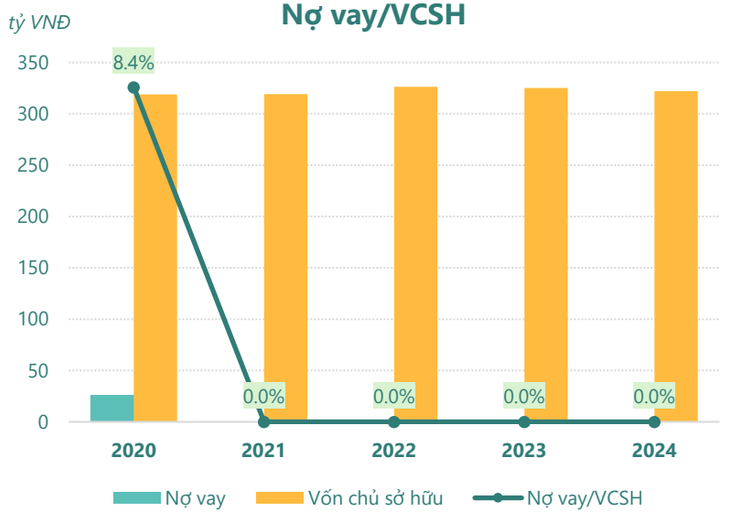
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

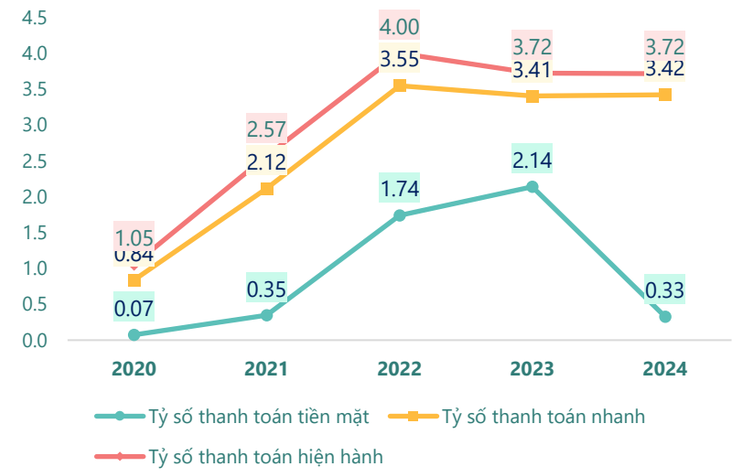
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



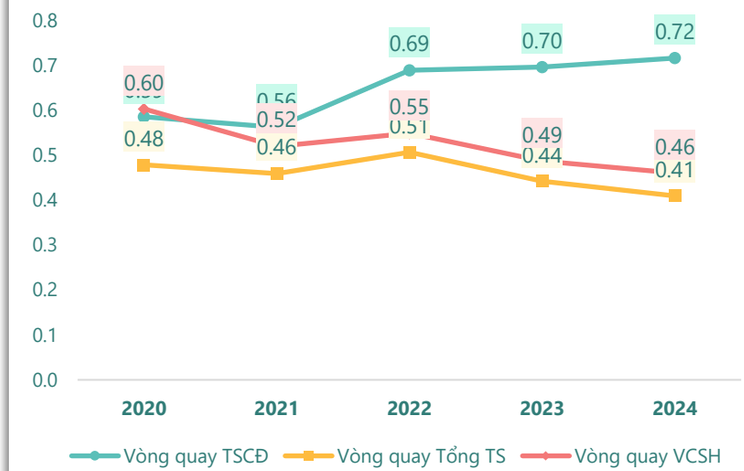
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



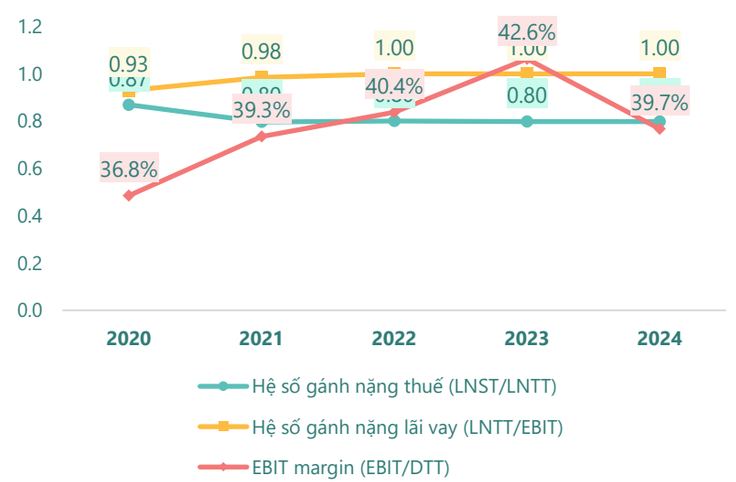
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



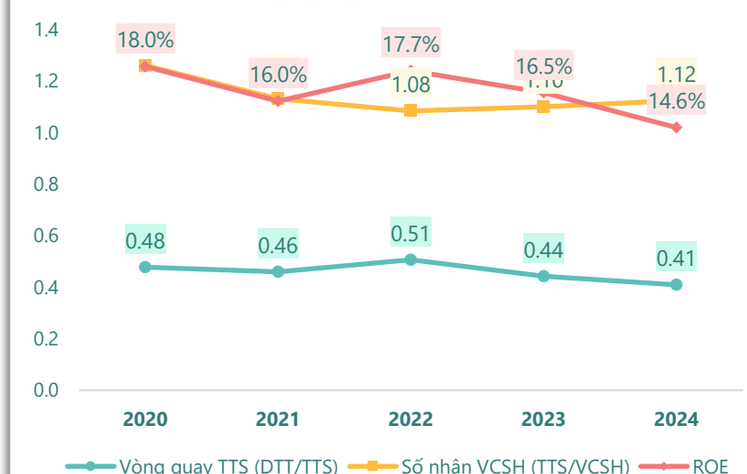
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



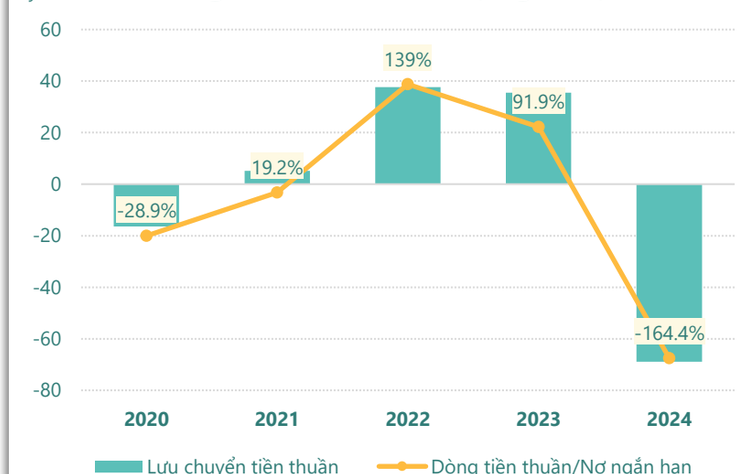
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**32.7**	**46.5**	**-29.8%**	**51.8**	**87.0**	**-40.5%**
Giá vốn hàng bán	15.9	21.8	-26.9%	27.5	43.8	-37.1%
Lợi nhuận gộp	16.7	24.7	-32.3%	24.2	43.3	-44.0%
Doanh thu HĐTC	1.49	0.67	123%	3.02	1.49	102%
Chi phí TC	0.09	0.00		0.10	0.03	275%
Chi phí lãi vay	0.09	0.00		0.10	0	
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.56**	**2.52**	**1.4%**	**4.96**	**5.13**	**-3.3%**
LN thuần từ HĐKD	15.6	22.9	-32.0%	22.2	39.6	-43.9%
Lợi nhuận khác	**0.28**	**-0.15**	**286%**	**0.27**	**-0.15**	**286%**
LN trước thuế	15.9	22.7	-30.1%	22.5	39.5	-43.0%
Lợi nhuận sau thuế	**12.5**	**18.1**	**-30.9%**	**17.8**	**31.5**	**-43.4%**
LNST của CĐ cty mẹ	**12.5**	**18.1**	**-30.9%**	**17.8**	**31.4**	**-43.5%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	9.70	24.4	29.4	8.08	-0.39	4.75
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.34	1.01	-62.3	-29.7	1.53	-1.52
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	-21.0	-12.6	-12.6	0	-15.7
Tiền đầu kỳ	82.5	88.9	93.4	47.8	13.6	14.8
Lưu chuyển tiền thuần	**6.36**	**4.44**	**-45.5**	**-34.2**	**1.13**	**-12.5**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	88.9	93.4	47.8	13.6	14.8	2.31

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**365**	**364**	**0.2%**
Tài sản ngắn hạn	169	156	8.4%
Tiền và tương đương tiền	2.31	13.6	-83.0%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	116	116	0.3%
Phải thu ngắn hạn	37.4	12.6	196%
Hàng tồn kho	12.3	12.3	0.0%
Tài sản ngắn hạn khác	1.05	1.74	-40.0%
Tài sản dài hạn	**196**	**208**	**-6.0%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	188	199	-5.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.76	6.59	-88.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**6.85**	**2.09**	**228%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	70.9	41.9	69.0%
Nợ ngắn hạn	**70.9**	**41.9**	**69.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	5.28	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	9.05	11.5	-21.1%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**294**	**322**	**-8.8%**
Vốn chủ sở hữu	**294**	**322**	**-8.8%**
Vốn điều lệ	210	210	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)